

Số: 15/2019/QĐST-DS

Ứng Hòa, ngày 16 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1964

***Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị C1 – sinh năm 1966

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Văn N – sinh năm 1963

(Ông N có văn bản ủy quyền cho bà C ngày 23/7/2019)

+ Ông Nguyễn Văn B – sinh năm 1968

(Ông B có văn bản ủy quyền cho bà C1 ngày 19/7/2019)

Đều có HKTT: Thôn T, xã M, huyện U, TP. Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận nợ: Vợ chồng bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn B xác nhận hiện còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn N số tiền 30.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) và 05 chỉ vàng (9999).

2.2. Các bên thống nhất thoả thuận về phương thức thanh toán, cụ thể:

- Các bên thoả thuận thống nhất đối với 05 chỉ vàng (9999) được trị giá bằng 20.000.000đ và số tiền 30.000.000đ. Tổng số tiền vợ chồng bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn B còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn N số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu trả lãi nên bị đơn không phải trả lãi, số tiền lãi đã trả các bên không yêu cầu tòa giải quyết.

- Phương thức thanh toán: vợ chồng bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ thanh toán trả vợ bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn N làm 03 kỳ trả nợ cụ thể như sau:

+ Đến ngày 30/10/2019, vợ chồng bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn B thanh toán trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn N 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn).

+ Đến ngày 30/12/2019, vợ chồng bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn B thanh toán trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn N 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn).

+ Đến ngày 30/3/2020, vợ chồng bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn B thanh toán trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn N 05 chỉ vàng (9999) tương đương 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn).

Trường hợp vợ chồng bà C1, ông B vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào theo thỏa thuận nêu trên thì bà C có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành Quyết định để thu hồi toàn bộ khoản nợ theo quy định pháp luật.

2.3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bà Nguyễn Thị C phải nộp 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và được đối trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí. Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị C 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009246 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa.

- Bà Nguyễn Thị C1 và ông Nguyễn Văn B phải nộp 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Bùi Thanh Minh

